ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1527 /QĐ-UBND	*Quảng Bình, ngày 14 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành trong lĩnh vực Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 221/TTr-NNMT ngày 23/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 27 (hai mươi bảy) thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện:

1. Rà soát, xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt sửa đổi, bổ sung các quy trình giải quyết TTHC/cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

Trường hợp các quy trình không thay đổi về nội dung, chỉ thay đổi mã số TTHC thì lập Danh sách các quy trình giải quyết TTHC/cung cấp dịch vụ công

trực tuyến này gửi Sở Khoa học và Công nghệ để điều chỉnh các mã số quy trình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

2. UBND cấp huyện có trách nhiệm sao gửi và chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tổ chức công khai và thực hiện các TTHC này theo đúng quy định

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Hành chính công, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ NN và MT;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử QB;
- Lưu VT, KSTTHC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Ngọc Lâm

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI TRONG LĨNH VỰC THỦY LỢI

(Kèm theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	**TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG BÌNH**				
1	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh. Mã số: 1.004427.000.00.00. H46	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐCP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐCP ngày 27/6/2023.
2	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh. Mã số: 2.001796.000.00.00. H46	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐCP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐCP ngày 27/6/2023.

3	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh. Mã số: 2.001795.000.00.00. H46	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐCP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐCP ngày 27/6/2023.
4	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi của UBND cấp tỉnh. Mã số: 2.001793.000.00.00. H46	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐCP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐCP ngày 27/6/2023.
5	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh. Mã số: 1.004385.000.00.00. H46	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐCP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐCP ngày 27/6/2023.
6	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh. Mã số: 2.001791.000.00.00. H46	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐCP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐCP ngày 27/6/2023.
7	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh. Mã số: 1.003921.000.00.00. H46	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐCP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐCP ngày 27/6/2023.
8	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐCP ngày 14/5/2018;

	thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh. Mã số: 1.003893.000.00.00. H46	sơ hợp lệ	Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình		- Nghị định số 40/2023/NĐCP ngày 27/6/2023.
9	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh. Mã số: 1.003880.000.00.00. H46	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐCP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐCP ngày 27/6/2023.
10	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh. Mã số: 1.003880.000.00.00. H46	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐCP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐCP ngày 27/6/2023.
11	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh quản lý Mã số: 1.003867.000.00.00. H46	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Thông tư 05/2018/TTBNNPTNT ngày 15/5/2018.
12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐCP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐCP ngày 27/6/2023.

	phép của UBND cấp tỉnh Mã số: 2.001426. 000.00.00.H46				
13	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh. Mã số: 2.001401. 000.00.00.H46	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐCP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐCP ngày 27/6/2023.
14	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND cấp tỉnh quản lý Mã số: 2.001804.000.00.00. H46	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định 67/2018/NĐCP ngày 14/5/2018
15	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh Mã số: 1.003232.000.00.00. H46	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Thủy lợi ngày19/6/2017; - Nghị định 114/2018/NĐCP ngày 04/9/2018
16	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh Mã số: 1.003221.000.00.00. H46	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định 114/2018/NĐ- CP ngày 04/9/2018.
17	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐCP ngày 04/9/2018.

	Mã số: 1.003211. 000.00.00.H46				
18	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh Mã số: 1.003203.000.00.00.H46	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐCP ngày 04/9/2018.
19	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh Mã số: 1.003188.000.00.00. H46	Không quy định	Chi cục Thủy lợi số 111 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ- CP ngày 04/9/2018.
II	**TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**				
1	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp Mã số: 2.001627.000.00.00.H46	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi cấp huyện.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 - Thông tư 05/2018/TTBNNPTNT ngày 15/5/2018.
2	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện. Mã số: 1.003471. 000.00.00.H46	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi cấp huyện.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ- CP ngày 04/9/2018.
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên). Mã số: 1.003459.000.00.00.H46	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi cấp huyện.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định 114/2018/NĐCP ngày 04/9/2018
4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của	20 ngày làm	Cơ quan chuyên môn quản lý nhà	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định 114/2018/NĐ - CP ngày

	UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên). Mã số: 1.003456.000.00.00. H46	việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	nước về thủy lợi cấp huyện.		04/9/2018.
5	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện Mã số: 1.003347.000.00.00.H46	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi cấp huyện.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐCP ngày 04/9/2018
III	**TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**				
1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã. Mã số: 1.003446.000.00.00.H46	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định 114/2018/NĐCP ngày 04/9/2018
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã. Mã số: 1.003440.000.00.00.H46	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định 114/2018/NĐCP ngày 04/9/2018
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện). Mã số: 2.001621.000.00.00.H46	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp xã	Không	Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/05/2018